

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2017

V/v ly hôn giữa
chị H và anh Q

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn.
2. Ông Nguyễn Ngọc Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2017/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐST–HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1982 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Lưu Văn Q - sinh năm 1979 (vắng mặt).

Trú quán: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Anh Lưu Văn Q đã được Tòa án triệu tập lần hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 10/5/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Q có đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2006 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2008 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q thường xuyên sử dụng rượu bia, không đi làm để chăm lo cho cuộc sống gia đình, chị có khuyên bảo anh Q nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Hơn nữa, anh Q còn nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, xích mích. Tháng 01/2008, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian đầu, anh Q và gia đình anh Q có lên đón chị về nhưng chị không đồng ý nên về sau vợ chồng không còn liên lạc, hỏi thăm nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ vì vợ chồng sống ly thân gần 10 năm, vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 29/5/2008. Cháu H1 hiện đang ở cùng chị, cuộc sống phát triển bình thường, cháu không bị bệnh tật gì. Nay vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giữ nguyên tình trạng con chung như hiện nay và không yêu cầu anh Q phải đóng góp phí tổn nuôi cháu H1 cùng chị. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Tập đoàn Khoa học kỹ thuật Hồng Hải (địa chỉ: Khu Công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang), thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đồng, đảm bảo cho việc sinh hoạt cũng như sự phát triển của con chung.

Về tài sản chung, ruộng canh tác chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung; không có ruộng canh tác chung; vợ chồng không nợ ai cũng như không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Q như đơn khởi kiện.

Phía bị đơn là anh Lưu Văn Q, qua xác minh với chính quyền địa phương được biết anh Q vẫn có mặt tại địa phương. Cán bộ Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý giải quyết vụ án cho anh Q và lấy lời khai anh Q ngày 23/6/2017. Tuy nhiên sau đó mặc dù đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Q không lên Tòa án làm việc cũng như không tham gia hòa giải. Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh Q, nhưng anh Q không ký nhận vào các biên bản. Sự việc được chính quyền địa phương là ông Nguyễn Văn P – Phó Trưởng thôn T, xã M và ông Thân Ngọc T – Phó Trưởng Công an xã M chứng kiến và xác nhận.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/6/2017, anh Q trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2006 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống được

thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính với người khác, chị H thường xuyên đi làm về muộn, không chăm lo cho đời sống chung vợ chồng. Vì vậy trong cuộc sống vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, xô xát. Đến tháng 01/2008, chị H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không nói chuyện, liên lạc, hỏi thăm gì nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị H có đơn xin ly hôn với anh, anh vẫn có mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 29/5/2008; cháu H1 hiện đang ở với chị H. Nay vợ chồng ly hôn, anh tôn trọng ý kiến của cháu H1, cháu muốn ở với ai là quyền của cháu, anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, ruộng canh tác chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, ruộng canh tác chung, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Quang H1 - sinh ngày 29/5/2008 là con chung của chị H và anh Q trình bày: Nay bố mẹ ly hôn, cháu không có ý kiến gì và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng pháp luật và đề nghị xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn Q; giao cháu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng:** Chị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Q. Theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị H và anh Q có đăng ký kết hôn và được UBND xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 22/12/2006 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 01 năm thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Anh Q và gia đình anh Q nhiều lần nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2008 đến nay, vợ chồng không liên lạc, hỏi thăm gì nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H thấy

tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Về phía anh Q vẫn có mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh xác định nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị H. Hơn nữa, anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần hai để có mặt ở phiên tòa nhưng anh Q vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy mong muốn đoàn tụ của anh Q là không có cơ sở khi Tòa án triệu tập để xem xét tình trạng hôn nhân của anh chị tại phiên tòa mà anh không đến phiên tòa.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị H anh Q đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai và không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, tại các biên bản làm việc cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H và anh Q đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, cần xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lưu Văn Q là có căn cứ.

*** Về con chung:** Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 29/5/2008. Nay vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị Toà án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; anh Q tôn trọng ý kiến của con chung, cháu H1 muốn ở với ai là quyền của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy chị H có nơi cư trú, công việc và thu nhập ổn định nên có điều kiện nuôi dưỡng cháu H1 tốt hơn; cháu H1 ở với chị H từ khi còn nhỏ đến nay, cuộc sống được đảm bảo, hơn nữa cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy cần giao cháu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng có căn cứ. Việc chị H không yêu cầu anh Q phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng chị, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H và anh Q không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét tại vụ án này.

*** Về tài sản chung, ruộng đất canh tác chung, công nợ chung:** Vợ chồng đều xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét tại vụ án này.

*** Về án phí:** Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 147; 227; 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

*** Về quan hệ vợ chồng:** Xử chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lưu Văn Q.

*** Về con chung:** Giao con chung là cháu Nguyễn Quang H1 - sinh ngày 29/5/2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Anh Lưu Văn Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

*** Án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu số AA/2012/04549 ngày 16 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Anh Lưu Văn Q không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- TAND t. Bắc Giang;
- VKSND h. Việt Yên;
- THADS;
- UBND x. M, h. V;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Thị Hương Lan